TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C - TP H** *** * * ***	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST.
Ngày 25/10/2018.
V/v: Tranh chấp HNGĐ:

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tưởng Ngọc Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Tiến Lợi**
2. Bà **Nguyễn Thị Liên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Tô Mạnh Hà**, thư ký TAND huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ly – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/10/2018 tại Trụ sở TAND huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 252/2018/TLST-HNGĐ ngày 16/8/2018 về Ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Viên Thị T, sinh năm 1996. Đăng ký HKTT: Thôn T, xã T, huyện C, Thành phố H. Hiện cư trú: Thôn 8, xã Qi, huyện Q, tỉnh T. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Quốc T, sinh năm 1991. Đăng ký HKTT và cư trú: Thôn T, xã T, huyện C, Thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án chị Viên Thị T trình bày:

Chị có đăng ký kết hôn với anh Lê Quốc T, sinh năm 1991, trú tại xã T, huyện C, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh T vào ngày 03/5/2013 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị cùng chung sống tại đất của bố mẹ đẻ. Trong thời gian chung sống vợ chồng chị có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân quan điểm sống lối sống luôn bất đồng, vợ chồng không bảo ban được nhau, anh T thường xuyên rượu chè rồi đánh đuổi chị, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng chị đã ly thân từ năm 2016 đến nay không ai quan tâm hỏi han đến ai. Nay

chị thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 1 con chung là cháu Lê Thị Phương N, sinh ngày 31/01/2014 hiện nay đang ở với anh T. Nếu được ly hôn chị xin được giao cháu N cho anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Quốc T: Mặc dù đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án nhưng anh T không đến Tòa án làm việc.

Bà Đỗ Thị C là mẹ đẻ của anh T và ở cùng nhà với anh T cho biết: Sau khi chị T về làm dâu và cùng chung sống với gia đình ông hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không bảo ban được nhau. Chị T và anh T sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Vợ chồng chị T và anh T có 01 con chung là cháu Lê Thị Phương N, sinh ngày 31/01/2014. Vợ chồng chị T và anh T không có tài sản chung gì. Gia đình nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả, chị T xin ly hôn, quan điểm của bà là đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị T và anh T, về con chung anh T cũng đề nghị Tòa án giao cháu N cho anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T đã nhận được các văn bản của Tòa án do bà Chín giao cho nhưng anh T bận công việc và cho biết xác định ly hôn nên không đến Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, đề nghị giao cháu N cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả do anh T trốn tránh không đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự, tạo điều kiện cho các bên được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh T. Giao cháu N cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng. Tài sản chung không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị T đã làm đơn khởi kiện theo mẫu và nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định của pháp luật. Ngày 05/10/2018 Tòa án đã mở phiên tòa lần thứ nhất nhưng anh T vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Hôm nay Tòa án mở lại phiên tòa lần hai, anh T vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Hôn nhân giữa chị T và anh T trên cơ sở có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng không bảo ban được nhau, vợ chồng có quá nhiều điểm bất đồng trong lối sống, quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau. Anh chị sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay không ai quan tâm hỏi han đến ai. Gia đình và Tòa án đã hòa giải nhiều lần. Do anh T trốn tránh và không đưa ra được phương pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T có đơn đề nghị ly hôn với anh T là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Lê Thị Phương N, sinh ngày 31/01/2014. Từ khi vợ chồng ly thân thì cháu N ở với anh T và ông bà nội. Nay vợ chồng ly hôn chị T xin giao cháu N cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng vì chị không có điều kiện nhà cửa để chăm sóc cháu, anh T và gia đình cũng tha thiết xin nuôi cháu N. Xét yêu cầu của các bên là tự nguyện nên sau khi ly hôn giao cháu N cho anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T cho đến khi có yêu cầu mới. Chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

[4.] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử thì chị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chị Viên Thị T được ly hôn anh Lê Quốc T.

2.Về con chung: Xác nhận vợ chồng chị T, anh T có 01 con chung là Lê Thị Phương N, sinh ngày 31/01/2014. Giao cháu Lê Thị Phương N cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T đến khi có yêu cầu mới. Chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Viên Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003544 ngày 14/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

Áp dụng Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND thành phố Hà Nội;
-VKSND huyện Chương Mỹ;
-Chi cục THA huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
-Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tưởng Ngọc Tuấn